TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST Ngày 17 tháng 6 năm 2022 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn; Ông Nguyễn Văn H.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 12-01-2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09-5-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27-5-2022, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 04/2022/QĐ-HNGĐ ngày 13-6-2022,giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Tạ Thị Thanh G, sinh năm: 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 180/15D đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Đình H, sinh năm: 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A1516 Chung cư H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh G trình bày:

Bà G và ông H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 19-6-2002, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà riêng địa chỉ số 563/40 đường N, Phường B, thành phố V, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó đến nay. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, ông H thường xuyên nhậu và say xỉn, vợ chồng lời qua tiếng lại nên có xô sát dẫn đến ông H đánh gãy ngón tay đeo nhẫn bên bàn tay trái của bà G. Khoảng năm 2010, ông H tự ý bán nhà của hai vợ chồng tại địa chỉ số 563/40 đường N, Phường B, thành phố V mà không bàn bạc với bà G. Từ đó bà G cùng các con chuyển ra ngoài thuê trọ sống tại địa chỉ 302-B10 khu tập thể 5 tầng và vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay không ai quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Nay tình cảm không còn nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà G và ông H có hai con chung là cháu Bùi Đình H, sinh ngày 14-4-2003 và cháu Bùi Thị H L, sinh ngày 30-4-2007. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà G yêu cầu bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L vì cháu là con gái và được bà G chăm sóc từ nhỏ đến nay, kể cả từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu L đều ở với bà G, được bà G chăm sóc. Theo đơn khởi kiện ngày 21-12-2021 bà G yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu L là 10.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên tòa bà G rút một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cụ thể bà G yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu L là 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. *Đối với bị đơn là ông Bùi Đình H:* Tại Bản tự khai ngày 10-3-2022, Biên bản hòa giải ngày 10-3-2022 ông H thừa nhận và đồng ý về quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà G, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung như bà G trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông H vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau, ông H không đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án về sau Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án làm việc nhưng ông H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông H theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phien tòa và chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định giữa bà G và ông H có mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, bà G không còn tình cảm với ông H. Bà G và ông H có hai con chung là cháu Bùi Đình H, sinh ngày 14-4-2003 và cháu Bùi Thị H L, sinh ngày 30-4-2007, cháu H đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét, đối với yêu cầu của bà G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu L, cũng như bà G là mẹ và là người chăm sóc cháu L từ nhỏ đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L. Buộc ông H cấp dưỡng nuôi cháu L là 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi theo như thỏa thuận

thống nhất của bà G và ông H tại phiên tòa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà G và ông H được ly hôn, về con chung bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu L, ông H phải cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà G khởi kiện về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn ông Bùi Đình H trú tại số A1516 Chung cư 21 tầng, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông H tự nguyện kết hôn và được UBND Phường M, thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 19-6-2002, kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Bà G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên nhậu và say xỉn, vợ chồng lời qua tiếng lại nên có xô sát dẫn đến ông H đánh gãy ngón tay đeo nhẫn bên bàn tay trái của bà G, ông H không tôn trọng bà G cụ thể là năm 2010 ông H tự ý bán nhà của hai vợ chồng mà không hỏi ý không bàn bạc gì với bà G. Ngoài ra, do chênh lệch về tuổi tác quá nhiều nên không hòa hợp với nhau trong lối sống, quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Bà G vì con nên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân đã rất lâu nên tình cảm phai nhạt, nay bà G không còn tình cảm với ông H.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H và bà G như bà G trình bày là đúng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay nhưng ông H không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ về chung sống với nhau. Mặc dù, ông H thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân nhưng ông H không muốn và không đồng ý ly hôn, tuy nhiên nếu bà G vẫn cương quyết ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn với bà G.

[2.3] Qua trình bày của bà G và ông H, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà G và ông H trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân mười hai năm nay là có thật điều này được cả hai bên bà G, ông H thừa nhận. Mặc dù ông H không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được lý do thuyết phục và qua lời khai của ông H thấy rằng ông H không muốn ly hôn nhưng cũng không chủ động gắn kết tình cảm vợ chồng, không về chung sống cùng nhà với bà G. Do đó, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng bà G, ông H trầm trọng và kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Bà G không còn

tình cảm với ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà G ly hôn với ông H.

[3] Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà G: Bà G và ông H có hai con chung là cháu Bùi Đình H, sinh ngày 14-4-2003 và cháu Bùi Thị H L, sinh ngày 30-4-2007. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.1] Bà G yêu cầu giải quyết bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L vì cháu là con gái và được bà G chăm sóc từ nhỏ đến nay, kể cả từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu L đều ở với bà G, được bà G chăm sóc. Theo đơn khởi kiện ngày 21-12-2021 bà G yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu L là 10.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa bà G rút một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cụ thể bà G yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu L là 5.000.000đ/tháng và ông H tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu L là 5.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu L cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu L cũng như cháu L là con gái và từ nhỏ đến lớn đều ở với bà G do bà G chăm sóc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3.2] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Qua xác minh lương của ông H được thể hiện tại "Bảng xác nhận lương" ngày 24-3-2022 do Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng giao thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp, thì thu nhập trung bình của ông H là 31.531.000đ/tháng (189.186.000đ/6 tháng). Xét thấy, mức lương thu nhập trung bình của ông H đủ đảm bảo để cấp dưỡng nuôi con chung là cháu L nên buộc ông H cấp dưỡng nuôi cháu L là 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà G phải chịu số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Thanh G.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Thanh G và ông Bùi Đình H ly hôn.

Về con chung: Bà Tạ Thị Thanh G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Thị H L, sinh ngày 30-4-2007, ông H phải cấp dưỡng nuôi cháu L là 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Ông H được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị Thanh G phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001645 ngày 12-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Đình H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- UBND xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phượng